THÔN THẮNG THÀNH

BIỂU THỐNG KÊ THIỆT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SAU BÃO SỐ 5

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)	Diện tích cây hằng năm			Cây lâm nghiệp			Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
			Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)		Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Diện tích mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác		Diện tích mới trồng trên 1/2 chu kỳ khai thác	
		Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Chu Văn Tuyên	500,0							250.000
2	Nguyễn Hữu Đính	300,0							150.000
3	Nguyễn Thị Thuận (Bà Lý)	500,0							250.000
4	Hà Huy Cháu	2.000,0							1.000.000
5	Phạm Thị Minh	1.000,0							500.000
6	Hà Huy Lý (Hà Thị Mỹ)	3.500,0			800				2.350.000
7	Hà Huy Cường (Diện)	4.000,0							2.000.000
8	Phan Viết Thiên	1.500,0							750.000
9	Hà Huy Dũng	400,0							200.000
10	Hà Huy Kháng	1.979,0							989.500
11	Hoàng Thị Tiềm	400,0							200.000
12	Nguyễn Doãn Hiển	1.500,0							750.000

13	Hà Huy Quang (Song)	2.500,0							1.250.000
14	Hà Thị Minh Liễu	1.000,0							500.000
15	Hà Huy Hạnh	1.000,0							500.000
16	Lê Ngọc Cường	1.000,0							500.000
17	Hà Thị Liên (Đặng Hữu Dũng)	1.987,0							993.500
18	Lê Văn Độ	1.500,0							750.000
19	Nguyễn Đình Thành (Chu Thị Hà)	300,0							150.000
20	Nguyễn Đình Định	500,0							250.000
21	Nguyễn Thị Hiền	2.275,0			700				1.662.500
22	Nguyễn Đình Hùng (Nguyễn Thị Nhi)	1.000,0							500.000
23	Hà Huy Thảo	2.300,0							1.150.000
24	Trần Văn Ba (Nguyễn Doãn Quyền)	2.000,0							1.000.000
25	Hà Huy Liên (Hoa)	3.500,0							1.750.000
26	Hà Huy Tường	1.500,0							750.000
27	Lê Thị Chức	2.000,0							1.000.000
28	Hà Huy Lựu	5.720,0							2.860.000
29	Hà Huy Tình	1.500,0							750.000
30	Hà Huy Thiện (Hường)	1.232,0							616.000
31	Nguyễn Đình Xoan	2.000,0							1.000.000
32	Hà Thị Lành	1.237,0							618.500

33	Chu Thị Hoàn	2.000,0							1.000.000
34	Hà Huy Thành	3.500,0							1.750.000
35	Nguyễn Đình Hùng (Khang)	2.500,0							1.250.000
36	Trần Mạnh Tường	2.500,0							1.250.000
37	Nguyễn Văn Duyệt	400,0							200.000
38	Nguyễn Thị Hồng	2.300,0							1.150.000
39	Chu Thị Em	500,0							250.000
40	Lê Văn Nhung	3.000,0							1.500.000
41	Nguyễn Đình Đông	3.900,0							1.950.000
42	Nguyễn Đình Nam	370,0							185.000
43	Lê Thị Tuyết	1.000,0							500.000
44	Hà Huy Nam	3.000,0		100					1.530.000
45	Đặng Hữu Ninh	300,0			1000				900.000
46	Hà Huy Giáp	1.900,0							950.000
47	Hồ Thị Liễu	1.500,0							750.000
48	Nguyễn Đình Lượng	2.500,0			650				1.737.500
49	Hoàng Văn Việt	2.500,0							1.250.000
50	Lê Thị Tam	1.350,0							675.000
51	Hà Thị Khuyên	2.500,0							1.250.000
52	Hoàng Thị Nhung	2.000,0							1.000.000

53	Hoàng Văn Tâm	1.200,0							600.000
54	Nguyễn Thị Hồ	2.830,0							1.415.000
55	Phan Văn Việt	500,0							250.000
56	Hà Thị Xuân	1.000,0							500.000
57	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	2.000,0							1.000.000
58	Lê Văn Hước	2.000,0							1.000.000
59	Nguyễn Thị Tẻo	2.000,0							1.000.000
60	Phan Văn Cảnh	2.000,0							1.000.000
61	Hà Huy Tợi	1.800,0							900.000
62	Nguyễn Thị Thư	3.500,0							1.750.000
63	Nguyễn Thị Thu	2.772,0							1.386.000
64	Nguyễn Đình Đồng	800,0							400.000
65	Chu Văn Lung	2.500,0							1.250.000
66	Phan Văn Trung (Hà Thị Mỳ)	1.300,0							650.000
67	Hà Huy Hạnh (Đặng Thị Thu)	2.000,0							1.000.000
68	Hoàng Huê	500,0							250.000
69	Chu Văn Liên	5.000,0							2.500.000
70	Hà Huy Liên (Hừng)	4.260,0							2.130.000
71	Hà Huy Thuấn	4.000,0							2.000.000
72	Nguyễn Đình Ca	2.500,0							1.250.000

73	Nguyễn Đình Ca (Đất tại Trạm xá, ngoài thôn)- không tính 5500 m2	0,0							0
74	Nguyễn Đình Sinh	3.500,0					1500		2.350.000
75	Nguyễn Thị Nha	2.500,0							1.250.000
76	Đặng Hữu Hòa	2.200,0							1.100.000
77	Hà Huy Hướng	3.529,0							1.764.500
78	Nguyễn Ngọc Ký	500,0							250.000
79	Chu Văn An	3.000,0							1.500.000
80	Nguyễn Đình Tâm (Liên)	4.800,0			700				2.925.000
81	Lê Công Tiến	3.000,0						765	2.073.750
82	Hà Huy Thiện (thừa)								0
83	Phan Thị Thuận	750,0							375.000
84	Hà Huy Khánh	1.500,0							750.000
85	Hà Huy Hân	7.000,0							3.500.000
86	Hà Huy Nhung	3.500,0					2600		2.790.000
87	Trần Văn Thung	1.500,0							750.000
88	Lê Thị Hường (Hảo)	3.000,0							1.500.000
89	Hà Thị Hoa (Quý)	1.500,0							750.000
90	Chu Văn Cảnh	2.000,0							1.000.000
91	Hà Huy Thiện (Chu Thị Biên)	2.900,0							1.450.000

92	Hà Văn Lý (Làm ruộng Hà Văn Thái)	1.508,0							754.000
93	Hà Văn Lý	3.500,0							1.750.000
94	Nguyễn Thị Lĩnh	4.500,0							2.250.000
95	Hà Huy Nuôi	6.000,0							3.000.000
96	Hà Huy Trạch	1.500,0							750.000
97	Dương Thị Hằng	950,0							475.000
98	Phan Viết Truyền	500,0							250.000
99	Phan Văn Điểm	2.500,0							1.250.000
100	Hà Huy Trường	1.000,0							500.000
101	Lê Thị Lư	1.000,0							500.000
102	Nguyễn Văn Trạch (Làm ruộng Nông dân- tập thể làm)	3.000,0							1.500.000
103	Hà Văn Dũng (Thắng)	5.000,0							2.500.000
104	Phan Thị Vinh	500,0							250.000
105	Hà Huy Phú (Nguyễn Thị Hoa)	3.600,0							1.800.000
106	Hà Huy Cường (Phan Thị Thu)	1.000,0							500.000
107	Chu Văn Hóa	2.000,0							1.000.000
108	Chu Văn Tuyên (Lê Thị Lư)	500,0							250.000
109	Chu Văn Dần	2.000,0							1.000.000
110	Nguyễn Thị Luận (Khuê)	1.000,0							500.000

111	Nguyễn Đình Nuôi	700,0							350.000
112	Hà Văn Thủy	1.500,0							750.000
113	Hà Huy Tịnh	2.500,0							1.250.000
114	Hà Huy Thanh	1.000,0							500.000
115	Hà Văn Huy	1.000,0							500.000
116	Hà Huy Tương	4.000,0							2.000.000
	Tổng	**236.549,0**	**0,0**	**100,0**	**3.850,0**	**0,0**	**4.100,0**	**765,0**	**123.405.750,0**